

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án Sửa chữa, bảo dưỡng cơ sở vật chất thường xuyên nhà làm việc 03 tầng và một số hạng mục phụ trợ khác của Chi cục Dân số

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình; Thông tư số 09/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ xây dựng; Thông tư số 01/2025/TT-BXD ngày 22/01/2025 của Bộ Xây dựng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình, Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; Thông tư số 08/2025/TT-BXD ngày 30/5/2025 của Bộ Xây dựng về Sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2668/QĐ-UBND ngày 10/12/2024 của UBND tỉnh Sơn La về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025; Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 05/5/2025 của UBND tỉnh Sơn La về việc điều chỉnh, giao dự toán thu, chi ngân sách cấp tỉnh năm 2025 của các cơ quan, đơn vị khi sắp xếp,

tổ chức bộ máy; Quyết định số 1615/QĐ-UBND ngày 29/6/2025 của UBND tỉnh Sơn La ban hành quy định về quản lý, điều hành ngân sách địa phương năm 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại tờ trình số 390/TTr-SXD ngày 12/8/2025, Thông báo kết quả thẩm định số 2931/SXD-QLXD ngày 11/8/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Sửa chữa, bảo dưỡng cơ sở vật chất thường xuyên nhà làm việc 03 tầng và một số hạng mục phụ trợ khác của Chi cục Dân số, với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Sửa chữa, bảo dưỡng cơ sở vật chất thường xuyên nhà làm việc 03 tầng và một số hạng mục phụ trợ khác của Chi cục Dân số.

2. Địa điểm xây dựng: Phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La.

3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La.

4. Chủ đầu tư: Chi cục Dân số tỉnh Sơn La.

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Sơn La; địa chỉ: Số 39, đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La (nay là phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La).

6. Nhóm dự án, loại, cấp công trình: Dự án nhóm C; công trình dân dụng, cấp III.

7. Mục tiêu dự án: Ngăn chặn sự xuống cấp của công trình, tăng cường cơ sở vật chất, đáp ứng được nhu cầu sử dụng của đơn vị góp phần đảm bảo hiệu quả sử dụng.

8. Quy mô đầu tư xây dựng, giải pháp thiết kế

8.1. Quy mô đầu tư xây dựng: Bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất nhà làm việc 03 tầng và các hạng mục phụ trợ (sân, cổng, tường rào...) của Chi cục Dân số.

8.2. Giải pháp thiết kế chủ yếu

8.2.1. Bảo dưỡng, sửa chữa nhà làm việc 03 tầng; diện tích xây dựng 300,86m²; diện tích sàn 1.081,4m²

- Tháo dỡ mái tôn hiện trạng, thay thế bằng tôn múi dày 0,4mm. Tháo dỡ và thay thế toàn bộ hệ thống thoát nước mái bằng ống nhựa PVC và phụ kiện đồng bộ. Tháo dỡ và thay thế toàn bộ hệ thống thu lôi chống sét; kim thu sét mạ kẽm Φ18 chiều dài L=0,8m; dây dẫn, dây thu sét mạ kẽm Φ10; cọc tiếp địa thép hình, điện trở bộ phận tiếp địa ≤10Ω;

- Bóc dỡ lớp vữa trát, lán sê nô, mái sảnh (chân tường, dầm bóc lớp vữa cao 20cm); lòng sê nô, mái sảnh lán lại bằng vữa xi măng mác 75 dày 2cm, tường trát vữa xi măng mác 75 dày 1,5cm, bề mặt lán dung dịch chống thấm chuyên dụng 3 nước (có vên chân tường cao 20cm). Bóc dỡ lớp ngói vảy cá trang trí của mái sảnh tầng 2, trát lại bằng vữa xi măng mác 75 dày 1,5cm, bề

mặt lặn sơn hoàn thiện đồng bộ;

- Bóc dỡ một số vị trí lớp vữa trát tường, dầm trần, cột trong và ngoài nhà (khoảng 30% diện tích cột, tường trong và ngoài nhà; khoảng 10% diện tích dầm trần); trát lại bằng vữa xi măng mác 75 dày 1,5cm; phần tường, cột, dầm trần còn lại cạo lớp sơn bả; toàn bộ lặn sơn 3 nước có bả;

- Tháo dỡ toàn bộ hệ thống cửa đi (bao gồm cả khuôn cửa), cửa sổ, vách kính, hoa sắt cửa sổ; cửa đi, cửa sổ, vách kính thay thế bằng cửa khuôn nhôm hệ, kính 2 lớp dày 6,38mm; hoa sắt cửa sổ thay thế bằng thép inox tổ hợp hàn;

- Bóc dỡ toàn bộ gạch lát nền, sàn, tam cấp, bậc cầu thang; nền, sàn lát lại bằng gạch ceramic kích thước (60x60)cm; bậc cầu thang, bậc tam cấp ốp lát lại bằng đá granite; lan can cầu thang, hành lang thay thế bằng thép hộp inox tổ hợp hàn;

- Khu sảnh, hành lang các tầng lắp dựng bổ sung hệ trần nhựa tấm thả, khung xương nổi, kích thước tấm trần (60x60)cm;

- Tháo dỡ và thay thế toàn bộ hệ thống điện, dây dẫn đi chìm tường trong ống gen chống cháy, thiết bị điện đồng bộ đảm bảo không vượt công suất thiết kế ban đầu của công trình. Tháo dỡ và thay thế hệ thống mạng internet bao gồm dây cáp tín hiệu, tủ rack, morden và phụ kiện đồng bộ. Thay thế bình chữa cháy, bảng tiêu lệnh chữa cháy.

- Khu vệ sinh:

- + Phá dỡ một số vị trí tường để bố trí lại không gian khu vệ sinh đảm bảo phù hợp với nhu cầu thực tiễn của đơn vị; hệ vách ngăn bằng tấm composite chịu nước dày 12mm, phụ kiện inox đồng bộ;

- + Tháo dỡ và thay thế toàn bộ thiết bị vệ sinh, đường ống cấp thoát nước đi chìm tường và ngầm sàn; trần khu vệ sinh tầng 1, tầng 2 thay thế hệ tấm trần bằng trần nhựa tấm thả, khung xương nổi, kích thước tấm trần (60x60)cm;

- + Bóc dỡ toàn bộ gạch lát nền sàn, gạch ốp tường; sàn khu vệ sinh tầng 2, tầng 3 lặn dung dịch chống thấm 03 nước (vén chân tường cao 15cm), bề mặt lát lại bằng gạch ceramic chống trơn kích thước (30x30)cm; tường ốp lại bằng gạch men kính kích thước (30x60)cm cao 1,8m; phần tường còn lại cạo lớp sơn, sơn lại 3 nước không bả;

- + Lắp dựng bổ sung hệ khung đỡ chậu rửa gồm khung inox và bàn đá granite; lắp đặt bổ sung máy sấy tay tự động.

8.2.2. Các hạng mục phụ trợ

- *Sửa chữa cổng, trường rào đoạn A-B-C-D-E (tháo dỡ toàn bộ hoa sắt, trụ cổng, trụ tường rào, cánh cổng hiện trạng)*: Tổng chiều dài 30,11m; trụ cổng, chân tường rào, tường biển tên xây lại bằng gạch không nung vữa xi măng mác 50 (xây trên móng hiện trạng), giằng tường bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (mác 200), toàn bộ trát tường vữa xi măng mác 50 dày 1,5cm; chân tường ốp gạch thẻ, trụ cổng và biển tên ốp đá granite; bề mặt biển tên gắn chữ inox mạ đồng. Cánh cổng (chạy trên ray thép, tận dụng lại khung cổng), hoa sắt cánh cổng, tường rào bằng thép hộp tổ hợp hàn, sơn 3 nước chống gỉ; đỉnh cổng, đỉnh hoa sắt tường rào gắn mũi mác bằng gang bảo vệ.

- *Sửa chữa tường rào đoạn A-L-K*: Chiều dài 9,21m; bóc dỡ toàn bộ lớp vữa trát tường, trát lại bằng vữa xi măng mác 75 dày 1,5cm, sơn lại toàn bộ 3 nước không bả.

- *Sửa chữa sân*: Diện tích 351m²; vệ sinh bề mặt sân, đổ bù vênh mặt sân bằng bê tông nhựa C9,5 chiều dày trung bình 3cm (khoảng 70% diện tích), bề mặt rải thảm bê tông nhựa C9,5 dày 5cm đánh dốc về rãnh thu nước.

- *Rãnh thoát nước*: Chiều dài 40m; tháo dỡ toàn bộ tấm đan rãnh, nạo vét lòng rãnh; bóc dỡ toàn bộ lớp vữa trát láng lòng rãnh, trát láng lại bằng vữa xi măng mác 75 dày 2cm; tấm đan thay thế bằng gang đúc sẵn (có gia cường thành rãnh bằng bê tông xi măng cấp độ bền B15).

8.2.3. *Các chi tiết khác*: Theo hồ sơ thiết kế được phê duyệt.

9. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

9.1. Quy chuẩn

- QCVN 05-2008: Nhà ở và công trình công cộng-an toàn sinh mạng và sức khỏe;

- QCVN 09-2017: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả;

- QCVN 03-2022/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp công trình phục vụ thiết kế xây dựng;

- QCVN 06-2022: Quy chuẩn quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình;

- Quy chuẩn sửa đổi 01:2023 QCVN 06:2022/BXD Về an toàn cháy cho nhà và công trình;

- QCVN 16-2023: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng.

9.2. Tiêu chuẩn

- TCVN 4474-1987: Thoát nước bên trong-Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 4513-1988: Cấp nước bên trong-Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 5576-1991: Hệ thống thoát nước-Quy phạm quản lý kỹ thuật;

- TCVN 7957-2008: Thoát nước-Mạng lưới và công trình bên ngoài-Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 7447-2010 (IEC 60364-2005): Hệ thống điện hạ áp, lựa chọn và lắp thiết bị điện;

- TCVN 5573-2011: Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép-Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 4319-2012: Nhà và công trình công cộng-Nguyên tắc cơ bản để thiết kế;

- TCVN 4601-2012: Công sở cơ quan hành chính nhà nước – Yêu cầu thiết kế;

- TCVN 9361-2012: Công tác nền móng-Thi công và nghiệm thu;

- TCVN 9362-2012: Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình;
- TCVN 9379-2012: Kết cấu xây dựng và nền-Nguyên tắc cơ bản về tính toán;
- TCVN 9206-2012: Đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 9207-2012: Đặt đường dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 9385-2012: Chống sét cho công trình dân dụng-Hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo dưỡng;
- TCVN 9366-2012: Cửa đi, cửa sổ;
- TCVN 9406-2012: Sơn-Phương pháp không phá hủy xác định chiều dày màng sơn khô;
- TCVN 9404-2012: Sơn xây dựng-Phân loại;
- TCVN 5935-2013 (IEC 60502-2009): Tiêu chuẩn về cáp điện;
- TCVN 5574-2018: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 2737-2023: Tải trọng và tác động-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 5575-2024: Kết cấu thép-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 3890-2023: Phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình-Trang bị, bố trí, kiểm tra, bảo dưỡng;
- TCVN 13603-2023: Cấp nước-Mạng lưới đường ống và công trình-Yêu cầu thiết kế;
- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn khác có liên quan.

10. Tổng mức đầu tư xây dựng; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng: 3.825 triệu đồng.

Trong đó:

- Chi phí xây dựng	3.414,504	triệu đồng;
- Chi phí quản lý dự án	106,967	triệu đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD	221,645	triệu đồng;
- Chi phí khác	27,463	triệu đồng;
- Chi phí dự phòng	54,835	triệu đồng;

11. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2025.

12. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án

- Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh.
- Dự kiến bố trí kế hoạch vốn:

ĐVT: Triệu đồng

Năm	Vốn ngân sách tỉnh	Tổng cộng
2025	3.825	3.825

13. Hình thức quản lý dự án: Thuê đơn vị tư vấn quản lý dự án.

14. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có): Không có.

15. Các nội dung khác: Không có.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Chi cục Dân số tỉnh Sơn La (chủ đầu tư)

- Có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện dự án theo các nội dung tại Điều 1 Quyết định này, đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu, hiệu quả, không để thất thoát, lãng phí vốn đầu tư; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chuẩn xác, tính hợp pháp của các thông tin, số liệu của hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt; quản lý dự án, quản lý chi phí đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng theo đúng quy định;

- Đóng dấu phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công của Báo cáo kinh tế-kỹ thuật theo quy định tại khoản 8 Điều 15 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

2. Sở Xây dựng

Phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện theo dõi, kiểm tra, giám sát và đánh giá đầu tư theo quy định tại Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ. Hướng dẫn chủ đầu tư triển khai thực hiện dự án tuân thủ quy định pháp luật về xây dựng theo thẩm quyền quản lý; tổng hợp, tham mưu các nội dung vướng mắc trong quá trình triển khai dự án (nếu có).

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Y tế, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực X; Chi cục trưởng Chi cục Dân số tỉnh Sơn La; Thủ trưởng cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (t/h);
- Trung tâm thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC;
- Chủ đầu tư 5 bản.
- Lưu: VT, KGVX, Bắc.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Tráng Thị Xuân